

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI (LAND INFORMATION SYSTEM)

I. Thông tin về học phần

- Mã học phần: QL03097
- Học kì: 6
- Tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 1,5 – Thực hành: 0,5);
- Tự học: 4
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Nghe giảng lý thuyết trên lớp: 22,5 tiết
 - + Thực hành trong phòng máy tính: 7,5 tiết
- Tự học: 60 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Hệ thống thông tin đất đai
 - Khoa: Quản lý đất đai
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên sâu <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần trước: QL02019 - Hệ thống thông tin địa lý
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* **Mục tiêu:** Học phần nhằm giúp người học đạt được:

- Về kiến thức: Nắm được những vấn đề cơ bản về một Hệ thống thông tin đất đai; Quá trình phân tích, thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai ở Việt Nam;
- Về kỹ năng: Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành để xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và hệ thống thông tin đất đai;

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện tốt các quy định khi thực hành tại phòng máy; Có ý thức học tập tốt, chủ động tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

1. Không đóng góp; 2. Có đóng góp; 3. Đóng góp nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9
QL03097	Hệ thống thông tin đất đai	1	2	3	2	1	1	1	1	3
		CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR17	CĐR18
		1	1	2	1	1	1	2	2	2

Kí hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	CĐR của CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
K1	Nắm được các vấn đề cơ bản về hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai; Quản lý thông tin đất đai	CDR2
K2	Nắm được những vấn đề cơ bản về phân tích, thiết kế hệ thống thông tin đất đai;	CDR3
K3	Áp dụng được các kiến thức chính sách pháp luật, quản lý nhà nước về đất đai vào công tác xây dựng hệ thống thông tin đất đai ở Việt Nam	CDR4
<i>Kỹ năng</i>		
K4	Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành để xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và hệ thống thông tin đất đai	CDR9
K5	Ứng dụng các phần mềm công nghệ mới trong biên tập bản đồ, chuẩn hóa dữ liệu không gian	CDR12,CDR16
<i>Thái độ và phẩm chất đạo đức</i>		
K6	Có ý thức tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ	CDR18

III. Nội dung tóm tắt của học phần

QL03097 – Hệ thống thông tin đất đai (Land Information System - LIS); (2TC: 1,5-0,5-4).

Học phần gồm 5 chương với nội dung về: Khái niệm cơ bản về thông tin, hệ thống, hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin đất đai; Quản lý thông tin đất đai; Phân tích thiết kế xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Tính kinh tế của một hệ thống thông tin đất đai.

Học phần gồm 3 bài thực hành với nội dung: Hướng dẫn sử dụng phần mềm; Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và Khai thác cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lý đất đai.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- 1) Thuyết giảng trên lớp
- 2) Giảng dạy thông qua hướng dẫn bài tập
- 3) Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành phần mềm
- 4) Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông

2. Phương pháp học tập

- 1) Nghe giảng trên lớp
- 2) Đọc tài liệu ở nhà trước khi đến lớp
- 3) Làm bài tập về nhà
- 4) Thực hành phần mềm trong phòng thực hành máy tính

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự lớp học đầy đủ;
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc sách tham khảo và bài giảng trước khi đến lớp học;
- Bài tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải làm đầy đủ bài tập được giao trong quá trình học và nộp lại;
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự tất cả các buổi thực hành trên phòng máy tính và nộp sản phẩm;
- Thi cuối kì: Một bài thi cuối kỳ.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm cuối kì là điểm tổng hợp của những điểm thành phần theo tỷ lệ như sau:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm bài tập + Thực hành: 30 %
- Điểm kiểm tra cuối kì: 60 %

3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	Nội dung/Tiêu chí đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Tuần
Chuyên cần			10	
Rubric 1	Tích cực tham dự trên lớp	K1, K2, K3, K6	10	1-10
Đánh giá quá trình			30	
Rubric 2	Đánh giá bài tập	K1, K2, K3, K6	15	7-9
Rubric	Đánh giá bài thực hành	K4, K5, K6	15	Theo lịch thực hành
Cuối kì			60	
Rubric 4	Đánh giá bài thi cuối kì	K1, K2, K3	60	Theo lịch thi HV

Các rubric đánh giá

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Tham dự 75% buổi học trở lên	Tham dự từ 50 - 75% buổi học	Tham dự từ 30 -50% buổi học	Tham dự dưới 30% buổi học

Rubric 2: Đánh giá bài tập

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham dự	30	Làm đầy đủ các bài tập được giao	Có làm bài tập nhưng không đầy đủ	Có làm bài tập nhưng thiếu nhiều	Không làm bài tập
Kết quả thực hành	60	Bài tập đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Bài tập đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Bài tập đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Không làm bài tập
Báo cáo thực hành	10	Đúng format và đúng hạn	Điểm tùy theo mức độ đáp ứng		

Rubric 3: Đánh giá bài tập thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham dự	20	Chú ý nghe hướng dẫn thực hành và tuân thủ nghiêm túc yêu cầu của buổi học	Chú ý nghe hướng dẫn thực hành và tuân thủ khá nghiêm túc yêu cầu của buổi học	Chú ý nghe hướng dẫn thực hành và tuân thủ yêu cầu của buổi học nhưng đáp ứng yêu cầu	Không chú ý nghe hướng dẫn/Không thực hiện yêu cầu của buổi học
Kết quả thực hành	60	Hoàn thành bài thực hành theo đúng yêu cầu	Có hoàn thành bài thực hành và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Có hoàn thành bài thực hành và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Không hoàn thành bài thực hành /Không đáp ứng yêu cầu
Báo cáo thực hành	20	Đúng yêu cầu và đúng hạn	Điểm tùy theo mức độ đáp ứng		

Rubric 4: Đánh giá cuối kì

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Chương 1	Chỉ báo 1: Các vấn đề cơ bản về thông tin và hệ thống; khái niệm và các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin	K1, K2, K3
Chương 2	Chỉ báo 2: Khái niệm và các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin đất đai; Cơ sở dữ liệu đất đai	K1, K2, K3
Chương 3	Chỉ báo 3: Đặc điểm và nội dung của công tác quản lý thông tin đất đai	K1, K2, K3
Chương 4	Chỉ báo 4: Các giai đoạn phân tích và thiết kế hệ thống thông tin đất đai; Điều tra, đánh giá, phân tích và thiết kế hệ thống thông tin đất đai.	K1, K2, K3
Chương 5	Chỉ báo 5: Vai trò thông tin đất đai	K1, K2, K3

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các bài thi: Không tham gia thi cuối kì sẽ bị nhận điểm 0;

Tham dự thực hành và nộp bài: Không tham dự thực hành/không nộp bài sẽ không được dự thi cuối kỳ;

Nộp bài tập: Không nộp bài sẽ không được dự thi cuối kỳ;

Yêu cầu về đạo đức: Có thái độ học tập nghiêm túc, đúng mực.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

(1) Phạm Văn Vân (2010), Bài giảng Hệ thống thông tin đất, Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp năm 2010

* Tài liệu tham khảo khác:

(1) Bộ tài nguyên và môi trường (2014), Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT của Bộ TN&MT ngày 30/06/2014 quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai;

(2) Bộ tài nguyên và môi trường (2017), Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT của Bộ TN&MT ngày 25/04/2017 quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

(3) Byong-Nam Choe, Mi-Jeong Kim, Kwon-Han Lee, Yoon-Hee Jeong (2004), Land Management information system in Korea, Korea Research Institute for Human Settlements 2004, Vol 4, ISBN 89-8182-332-4;

(4) Pitney Bowes Software Inc., One Global View, Troy, New York 12180-8399. MapInfo Pro User Guide

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
Nội dung giảng dạy lý thuyết (22,5 tiết)		
1	Chương 1: Khái niệm cơ bản về thông tin, hệ thống và hệ thống thông tin	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) 1.1. Thông tin 1.2. Hệ thống 1.3. Hệ thống thông tin	K1, K2, K3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin	K1, K2, K3, K6
	Chương 2: Hệ thống thông tin đất đai	
2,3	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (6 tiết) 2.1. Khái niệm về hệ thống thông tin đất đai 2.2. Mục đích và vai trò của hệ thống thông tin đất đai 2.3. Các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin đất đai 2.4. Cơ sở dữ liệu đất đai của hệ thống thông tin đất đai 2.5. Đặc điểm, tính chất và các tiêu chuẩn của hệ thống thông tin đất đai 2.6. Quan hệ ngành tài nguyên môi trường và hệ thống thông tin đất đai	K1, K2, K3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) Tìm hiểu về cơ sở dữ liệu đất đai của Việt Nam	K1, K2, K3, K6
	Chương 3: Quản lý thông tin đất đai	
4	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) 3.1. Khái niệm về quản lý thông tin đất đai 3.2. Nguồn gốc của công tác quản lý thông tin đất đai 3.3. Mục đích, ý nghĩa và vai trò của quản lý thông tin đất đai 3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thông tin đất đai	K1, K2, K3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Bài tập 1: Trình bày các thông tin trong hệ thống hồ sơ địa chính	K1, K2, K3, K6
	Chương 4: Phân tích thiết kế xây dựng hệ thống thông tin đất đai	
5,6,7	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (7,5 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (7,5 tiết) 4.1. Tính cấp thiết và mục tiêu xây dựng hệ thống thông tin đất đai 4.2. Điều tra, đánh giá hiện trạng hệ thống thông tin đất đai 4.3. Phân tích hệ thống thông tin đất đai 4.4. Thiết kế hệ thống thông tin đất đai 4.5. Hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai	K1, K2, K3

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Tìm hiểu về thiết kế mô hình chức năng, mô hình dữ liệu và mô hình xử lý của hệ thống thông tin đất đai Bài tập 2: - Xây dựng phiếu hồ sơ; - Xây dựng phiếu công việc; - Xây dựng từ điển dữ liệu; - Xác định và biểu diễn các thực thể; - Thiết kế các xử lý.	K1, K2, K3, K6
	Chương 5: Tính kinh tế của hệ thống thông tin đất đai	
8	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) 5.1. Thông tin là một nguồn vốn 5.2. Giá trị của thông tin đất đai 5.3. Phân tích chi phí và lãi của hệ thống thông tin đất đai 5.4. Hiệu quả của một hệ thống thông tin đất đai	K1, K2, K3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Tìm hiểu về hệ thống thông tin đất đai ở Việt Nam	K1, K2, K3, K6
Nội dung thực hành (7,5 tiết)		
1	A/ Tóm tắt nội dung thực hành trên phòng máy (2,5 tiết) Bài 1: Hướng dẫn sử dụng phần mềm (2,5 tiết) - Giới thiệu tổng quan - Hướng dẫn sử dụng	K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 tiết) Cài đặt phần mềm, tìm hiểu hướng dẫn sử dụng phần mềm	K4, K5, K6
2	A/ Tóm tắt nội dung thực hành trên phòng máy (2,5 tiết) Bài 2: Xây dựng cơ sở dữ liệu (2,5 tiết) - Xây dựng dữ liệu không gian - Xây dựng dữ liệu thuộc tính	K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 tiết) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu	K4, K5, K6
3	A/ Tóm tắt nội dung thực hành trên phòng máy (2,5 tiết) Bài 3: Khai thác cơ sở dữ liệu (2,5 tiết) - Tìm kiếm, cung cấp thông tin đất đai - Thống kê, tổng hợp dữ liệu - Xây dựng các loại bản đồ chuyên đề.	K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 tiết) Ứng dụng các chức năng của phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ quản lý đất đai	K4, K5, K6

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: Phòng thực hành có 25 máy tính và được nối mạng đảm bảo bố trí 1 sinh viên/máy.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phấn, bảng, bút chỉ, loa, mic
- Các phương tiện khác: Không

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Trần Quốc Vinh

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Cao Việt Hà

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Phạm Văn Vân

DUYỆT CỦA HỌC VIỆN

(Ký và ghi rõ họ tên)

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Văn Vân	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: phamvan@vnua.edu.vn	Trang web: http://qldd.vnua.edu.vn/en/htttdd.html
Cách liên lạc với giảng viên:	email; điện thoại, gặp trực tiếp

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đỗ Thị Loan	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0938839787
Email: doloan@vnua.edu.vn	Trang web: : http://qldd.vnua.edu.vn/en/htttdd.html
Cách liên lạc với giảng viên	email; điện thoại, gặp trực tiếp